**ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI KÌ I LỚP 12**

**BÀI 1 : PHÁP LUẬT VÀ ĐỜI SỐNG**

 **1.Khái niệm pháp luật**

Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự chung do nhà nước ban hành và được đảm bảo thực hiện bằng quyền lực nhà nước.

**2.Đặc trưng của pháp luật**

Thể hiện ở tính quy phạm phổ biến, tính quyền lực, bắt buộc chung và tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức.

* *Tính quy phạm phổ biến* vì pháp luật là những quy tắc sử xự chung, là khuôn mẫu chung, được áp dụng nhiều lần, ở nhiều nơi, đối với tất cả mọi người, trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.
* *Tính quyền lực, bắt buộc chung* vì :
* Pháp luật do nhà nước ban hành và được bảo đảm thực hiện bằng sức mạnh của quyền lực nhà nước.
* Pháp luật là quy định bắt buộc đối với tất cả mọi cá nhận và tổ chức, ai cũng phải xử sự theo pháp luật.
* *Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức* vì hình thức thể hiện của pháp luật là các văn bản có chứa quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.
* Phải được diễn đạt chính xác, một nghĩa để ai đọc cũng hiểu được đúng và thực hiện chính xác.
* Cơ quan nhà nước nào có thẩm quyền ban hành những hình thức văn bản nào đều phải được quy định chặt chẽ trong Hiến pháp và Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

**3.Bản chất của pháp luật**

*- Bản chất giai cấp*

* Các quy phạm pháp luật do nhà nước ban hành phù hợp với ý chí của giai cấp cầm quyền mà nhà nước là đại diện.

Nhằm giữ gìn trật tự xã hội, bảo vệ quyền và lợi ích của nhà nước.

* Nhà nước Việt Nam đại diện cho lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động

Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định : “Pháp luật của ta là pháp luật thật sự dân chủ vì nó bảo vệ quyền tự do, dân chủ rộng rãi cho nhân dân lao động…”

*- Bản chất xã hội*

Pháp luật mang bản chất xã hội vì pháp luật bắt nguồn từ xã hội, do các thành viên của xã hội thực hiện, vì sự phát triển của xã hội.

* Các quy phạm pháp luật bắt nguồn từ thực tiễn đời sống xã hội, phản ánh những nhu cầu, lợi ích của các giai cấp và các tầng lớp trong xã hội.
* Các quy phạm pháp luật được thực hiện trong thực tiễn đời sống xã hội vì sự phát triển của xã hội.

**4.Mối quan hệ giữa pháp luật với đạo đức**

* Nhà nước luôn cố gắng đưa những quy phạm đạo đức có tính phổ biến, phù hợp với sự phát triển và tiến bộ xã hội vào trong các quy phạm pháp luật, trong các lĩnh vực dân sự, hôn nhân, gia đình, văn hoá, xã hội, giáo dục.
* Khi trở thành các nội dung của quy phạm pháp luật thì các giá trị đạo đức không chỉ được tuân thủ bằng niệm tin, lương tâm của các cá nhân hay sức ép của dư luận xã hội mà còn đảm bảo thực hiện bằng sức mạnh quyền lực của nhà nước.

⇨ Pháp luật là một phương tiện đặc thù để thể hiện và bảo vệ các giá trị đạo đức.

**5.Vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội**

- Pháp luật là phương tiện để nhà nước quản lý xã hội.

* Nhà nước phải quản lý xã hội bằng pháp luật vì nhà nước sẽ phát huy được quyền lực của mình và kiểm tra, kiểm soát được các hoạt động của mọi cá nhân, tổ chức, cơ quan trong phạm vi lãnh thổ của mình.
* Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật là Nhà nước phải ban hành pháp luật và tổ chức thực hiện pháp luật trên quy mô toàn xã hội, đưa pháp luật vào đời sống của từng người dân và của toàn xã hội.

- Pháp luật là phương tiện để công dân thực hiện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

* Hiến pháp quy định các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; các luật về dân sự, hôn nhân và gia đình, thương mại, thuế, đất đai, giáo dục… cụ thể hoá nội dung, cách thức thực hiện các quyền công dân trong từng lĩnh vực cụ thể.
* Pháp luật là phương tiện để công dân bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình thông qua các luật về hành chính, hình sự, tố tụng, trong đó quy định thẩm quyền, nội dung, hình thức, thủ tục giải quyết các tranh chấp, khiếu nại và xử lý các vi phạm pháp luật xâm hại quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

**BÀI 2 : THỰC HIỆN PHÁP LUẬT**

**1.Khái niệm thực hiện pháp luật**

Thực hiện pháp luật là quá trình hoạt động có mục đích, làm cho những quy định của pháp luật đi vào cuộc sống, trở thành những hành vi hợp pháp của các cá nhân, tổ chức.

**2.Các hình thức thực hiện pháp luật :**

* *Sử dụng pháp luật* : Các cá nhân, tổ chức sử dụng đúng đắn các quyền của mình, làm những gì mà pháp luật cho phép làm.
* *Thi hành pháp luật* : Các cá nhân, tổ chức thực hiện đầy đủ những nghĩa vụ, chủ động làm những gì mà pháp luật quy định phải làm.
* *Tuân thủ pháp luật* : Các cá nhân, tổ chức không làm những điều mà pháp luật cấm.
* *Áp dụng pháp luật* : Các cơ quan, công chức nhà nước có thẩm quyền căn cứ vào pháp luật để ra các quyết định làm phát sinh, chấm dứt hoặc thay đổi việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ cụ thể của cá nhân, tổ chức.

**3.Các dấu hiệu cơ bản của vi phạm pháp luật :**

* *Hành vi trái pháp luật* :
* Hành vi đó có thể là hành động (làm những việc không được làm theo quy định của pháp luật) hoặc không hành động (không làm những việc phải làm theo quy định của pháp luật).
* Hành vi đó xâm phạm, gây thiệt hại cho những quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ.
* *Do người có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện* (Năng lực trách nhiệm pháp lý là khả năng của người đã đạt một độ tuổi nhất định theo quy định pháp luật, có thể nhận thức, điều khiển và chịu trách nhiệm về việc thực hiện hành vi của mình).
* *Người vi phạm pháp luật phải có lỗi* (Lỗi thể hiện thái độ của người biết hành vi của mình là sai, trái pháp luật, có thể gây hậu quả không tốt nhưng vẫn cố ý làm hoặc vô tình để mặc cho sự việc xảy ra)

⇨ Vi phạm pháp luật là hành vi trái pháp luật, có lỗi, do người có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện, xâm hại các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ.

**4.Trách nhiệm pháp lý :**

* Trách nhiệm pháp lý là nghĩa vụ mà các chủ thể vi phạm pháp luật phải gánh chịu những biện pháp cưỡng chế do Nhà nước áp dụng.
* Trách nhiệm pháp lý được áp dụng nhằm :
* Buộc các chủ thể vi phạm pháp luật chấm dứt hành vi trái pháp luật.
* Giáo dục, răn đe những người khác để họ tránh, hoặc kiềm chế những việc làm trái pháp luật.

**5.Các loại vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý :**

* *Vi phạm hình sự* : là những hành vi nguy hiểm cho xã hội, bị coi là tội phạm được quy định tại Bộ luật Hình sự. Người phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự thể hiện ở việc người đó phải chấp hành hình phạt theo quyết định của Toà án :
* Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.
* Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm.
* Việc xử lý người chưa thành niên (từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi) theo nguyên tắc lấy giáo dục là chủ yếu.
* *Vi phạm hành chính* là hành vi vi phạm pháp luật có mức độ nguy hiểm cho xã hội thấp hơn tội phạm, xâm phạm các nguyên tắc quản lý nhà nước. Người vi phạm phải chịu trách nhiệm hành chính theo quy định của pháp luật :
* Người từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi bị xử phạt hành chính về vi phạm hành chính do cố ý.
* Người từ đủ 16 tuổi trở lên bị xử phạt hành chính về mọi vi phạm hành chính do mình gây ra.
* *Vi phạm dân sự* là hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm tới các quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân. Người có hành vi vi phạm dân sự phải chịu trách nhiệm dân sự. Người từ đủ 6 tuổi đếm chưa đủ 18 tuổi khi tham gia các giao dịch dân sự phải được người đại diện theo pháp luật đồng ý, có các quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm dân sự phát sinh từ giao dịch dân sự do người đại diện xác lập và thực hiện.
* *Vi phạm kỷ luật* là hành vi vi phạm pháp luật xâm phạm các quan hệ lao động, công vụ nhà nước…do pháp luật lao động và pháp luật hành chính bảo vệ. Cán bộ, công chức, viên chức vi phạm kỷ luật phải chịu trách nhiệm kỷ luật với các hình thức khiển trách, cảnh cáo, hạ bậc lương, chuyển công tác khác, buộc thôi việc…

**BÀI 3 : CÔNG DÂN BÌNH ĐẲNG TRƯỚC PHÁP LUẬT**

***Bình đẳng trước pháp luật*** có nghĩa là mọi công dân, nam, nữ, tôn giáo, thành phần, địa vị xã hội khác nhau đều không bị phân biệt đối xử trong việc hưởng quyền, thực hiện nghĩa vụ và chịu trách nhiệm pháp lý theo quy định của pháp luật.

**1.Công dân bình đẳng về quyền và nghĩa vụ**

*Công dân bình đẳng về quyền và nghĩa vụ có nghĩa là bình đẳng về hưởng quyền và làm nghĩa vụ trước Nhà nước và xã hội theo quy định của pháp luật. Quyền của công dân không tách rời khỏi nghĩa vụ của công dân.*

- Mọi công dân đều được hưởng quyền và thực hiện nghĩa vụ của mình.

* Quyền : bầu cử, ứng cử, quyền sở hữu, quyền thừa kế, các quyền tự do cơ bản, các quyền dân sự, chính trị khác…
* Nghĩa vụ : Bảo vệ Tổ quốc, đóng thuế…

- Quyền và nghĩa vụ của công dân không bị phân biệt bởi dân tộc, giới tính, tôn giáo, giàu nghèo, thành phần, địa vị xã hội…

**2.Công dân bình đẳng về trách nhiệm pháp lý**

*Bình đẳng về trách nhiệm pháp lý là bất kỳ công dân nào vi phạm pháp luật đều phải chịu trách nhiệm về hành vi vi phạm của mình và phải bị xử lý theo quy định của pháp luật.*

- Công dân dù ở địa vị nào, làm nghề gì khi vi phạm pháp luật đều phải chịu trách nhiệm pháp lý (trách nhiệm hành chính, dân sự, hình sự, kỷ luật).

- Khi công dân vi phạm pháp luật với tính chất và mức độ như nhau đều phải chịu trách nhiệm pháp lý như nhau, không phân biệt đối xử.

**3.Trách nhiệm của Nhà nước trong việc đảm bảo quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật.**

- Quyền và nghĩa vụ công dân được quy định trong Hiến pháp và pháp luật

- Nhà nước và xã hội có trách nhiệm cùng tạo ra các điều kiện vật chất, tinh thần để đảm bảo cho công dân có khả năng thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

- Nhà nước xử lý nghiêm minh những hành vi vi phạm quyền và lợi ích của công dân và của xã hội.

**BÀI 4 : QUYỀN BÌNH ĐẲNG CỦA CÔNG DÂN TRONG MỘT SỐ LĨNH VỰC CỦA ĐỜI SỐNG XÃ HỘI**

**1.Bình đẳng trong hôn nhân và gia đình**

*Bình đẳng trong hôn nhân và gia đình được hiểu là bình đẳng về nghĩa vụ và quyền giữa vợ, chồng và các thành viên trong gia đình trên cơ sở nguyên tắc dân chủ, công bằng, tôn trọng lẫn nhau, không phân biệt đối xử trong các mối quan hệ ở phạm vi gia đình và xã hội.*

Nội dung bình đẳng trong hôn nhân và gia đình :

*-Bình đẳng giữa vợ và chồng :*

* Trong quan hệ nhân thân :
* Vợ, chồng có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc lựa chọn nơi cư trú.
* Tôn trọng, giữ gìn danh dự, nhân phẩm, uy tín của nhau.
* Giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt…
* Trong quan hệ tài sản :
* Vợ, chồng có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong sở hữu tài sản chung.
* Vợ, chồng có quyền có tài sản riêng theo quy định của pháp luật.

*-Bình đẳng giữa cha mẹ và con :*

* Cha mẹ có quyền và nghĩa vụ ngang nhau đối với con, cha mẹ không được phân biệt đối xử giữa các con, ngược đãi, hành hạ, xúc phạm con (kể cả con nuôi).
* Con có bổn phận yêu quý, chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ, không được có hành vi ngược đãi, hành hạ, xúc phạm cha mẹ.

*-Bình đẳng giữa ông bà và cháu :*

* Ông bà có nghĩa vụ và quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu, sống mẫu mực và nêu gương tốt cho các cháu.
* Cháu có bổn phận kính trọng, chăm sóc, phụng dưỡng ông bà.

*-Bình đẳng giữa anh, chị, em :*

Anh, chị, em có bổn phận thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau; có nghĩa vụ và quyền đùm bọc, nuôi dưỡng nhau trong trường hợp không còn cha mẹ hoặc cha mẹ không có điều kiện trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con.

**2.Bình đẳng trong lao động**

*Bình đẳng trong lao động được hiểu là bình đẳng giữa mọi công dân trong thực hiện quyền lao động thông qua việc tìm kiếm việc làm; bình đẳng giữa người sử dụng lao động và người lao động thông qua hợp đồng lao động; bình đẳng giữa lao động nam và lao động nữ trong từng cơ quan, doanh nghiệp và trong phạm vi cả nước.*

Nội dung về bình đẳng trong lao động :

*-Trong thực hiện quyền lao động.*

* Công dân được tự do tìm kiếm, lựa chọn việc làm.
* Không bị phân biệt đối xử về giới tính, dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, nguồn gốc gia đình, thành phần kinh tế.
* Người lao động phải tuân thủ theo quy định của pháp luật Lao động.
* Người có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao được Nhà nước và người sử dụng lao động ưu đãi, tạo điều kiện thuận lợi để phát huy tài năng.

*-Trong giao kết hợp đồng lao động.*

Hợp đồng lao động là sự thoả thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động về việc làm có trả công, điều kiện lao động, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên trong quan hệ lao động.

* Nguyên tắc : tự do, tự nguyện, bình đẳng
* Mỗi bên có trách nhiệm thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của mình

*-Giữa lao động nam và lao động nữ.*

* Bình đẳng về cơ hội tiếp cận việc làm; bình đẳng về tiêu chuẩn, độ tuổi khi tuyển dụng; được đối xử bình đẳng tại nơi làm việc về việc làm, tiền công, tiền thưởng, bảo hiểm xã hội, điều kiện lao động và các điều kiện làm việc khác.
* Lao động nữ được quan tâm đến đặc điểm về cơ thể, sinh lý và chức năng làm mẹ trong lao động nên có những quy định riêng…

**3.Bình đẳng trong kinh doanh**

*Bình đẳng trong kinh doanh là mọi cá nhân, tổ chức khi tham gia vào các quan hệ kinh tế, từ việc lựa chọn ngành, nghề, địa điểm kinh doanh, lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh, đến việc thực hiện quyền và nghĩa vụ trong quá trình sản xuất, kinh doanh đều bình đẳng theo quy định của pháp luật.*

Nội dung quyền bình đẳng trong kinh doanh

* Mọi công dân đều có quyền tự do lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh theo sở thích và khả năng, nếu có đủ điều kiện.
* Mọi doanh nghiệp đều có quyền tự chủ đăng ký kinh doanh trong những ngành, nghề mà pháp luật không cấm.
* Mọi loại hình doanh nghiệp đều bình đẳng trong việc khuyến khích phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh.
* Mọi doanh nghiệp đều bình đẳng về quyền chủ động mở rộng quy mô và ngành, nghề kinh doanh.
* Mọi doanh nghiệp đều bình đẳng về nghĩa vụ trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

**BÀI 5 : QUYỀN BÌNH ĐẲNG GIỮA CÁC DÂN TỘC, TÔN GIÁO**

**1.Bình đẳng giữa các dân tộc**

Dân tộc được hiểu theo nghĩa là một bộ phận dân cư của quốc gia.

*Quyền bình đẳng giữa các dân tộc là các dân tộc trong một quốc gia không phân biệt đa số hay thiểu số, trình độ văn hoá, không phân biệt chủng tộc, màu da…đều được Nhà nước và pháp luật tôn trọng, bảo vệ và tạo điều kiện phát triển.*

Nội dung quyền bình đẳng giữa các dân tộc

-Chính trị.

* Quyền của công dân tham gia quản lý nhà nước và xã hội, tham gia bộ máy nhà nước, thảo luận, góp ý các vấn đề chung, không phân biệt dân tộc, tôn giáo…
* Các dân tộc sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam không phân biệt đa số, thiểu số, không phân biệt trình độ phát triển đều có đại biểu của mình trong các cơ quan nhà nước.

-Kinh tế

* Thể hiện ở chính sách kinh tế của nhà nước không phân biệt giữa các dân tộc. Nhà nước luôn quan tâm đầu tư phát triển kinh tế đối với tất cả các vùng, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.
* Để rút ngắn khoảng cách chênh lệch về kinh tế giữa các vùng, Nhà nước ban hành các chương trình phát triển kinh tế-xã hội đối với các xã đặc biệt khó khan, vùng đồng bào dân tộc và miền núi, thực hiện chính sách tương trợ, giúp nhau cùng phát triển.

-Văn hoá, giáo dục

* Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết của mình; phong tục, tập quán truyền thống; văn hoá được bảo tồn, giữ gìn, khôi phục, phát huy, phát triển là cơ sở củng cố sự đoàn kết, thống nhất toàn dân tộc.
* Nhà nước tạo mọi điều kiện để công dân thuộc các dân tộc khác nhau đều được bình đẳng về cơ hội học tập.

Ý nghĩa quyền bình đẳng giữa các dân tộc

-Là cơ sở đoàn kết giữa các dân tộc và đại đoàn kết toàn dân tộc. Không có bình đẳng thì không có đoàn kết thực sự.

-Thực hiện tốt chính sách các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp nhau cùng phát triển là sức mạnh đảm bảo sự phát triển bền vững của đất nước, góp phần thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”

**2.Bình đẳng giữa các tôn giáo**

*Quyền bình đẳng giữa các tôn giáo được hiểu là các tôn giáo ở Việt Nam đều có quyền hoạt động tôn giáo trong khuôn khổ của pháp luật; đều bình đẳng trước pháp luật; những nơi thờ tự tín ngưỡng, tôn giáo được pháp luật bảo hộ.*

Nội dung quyền bình đẳng giữa các tôn giáo

-Các tôn giáo được Nhà nước công nhận đều bình đẳng trước pháp luật, có quyền hoạt động tôn giáo theo quy định của pháp luật.

-Hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định của pháp luật được Nhà nước bảo đảm; các cơ sở tôn giáo hợp pháp được Nhà nước bảo hộ.

Ý nghĩa quyền bình đẳng giữa các tôn giáo

Là cơ sở, tiền đề quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc, thúc đẩy tình đoàn kết gắn bó của nhân dân Việt Nam, tạo thành sức mạnh tổng hợp của cả dân tộc trong công cuộc xây dựng đất nước.

**CÂU HỎI Bài 1**

**Câu 1**. Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự………..do …………….ban hành và được bảo đảm thực hiện bằng …………….của Nhà nước.

**Câu 2**. Pháp luật có mấy đặc trưng? Kể ra?

**Câu 3**. Pháp luật được áp dụng nhiều lần, ở nhiều nơi, đối với tất cả mọi người, trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Điều này thể hiện đặc trưng nào của pháp luật?

**Câu 4**.Nhà nước sử dụng quyền lực tuyệt đối để buộc công dân chấp hành quy định. Quan niệm này thể hiện đặc trưng nào của pháp luật?

**Câu 5**.Văn bản pháp luật phải rõ ràng, chính xác phù hợp với Hiến pháp để mọi người có thể hiểu, vận dụng chính xác. Điều này thể hiện đặc trưng nào của pháp luật?

**Câu 6**. Pháp luật có mấy bản chất? kể ra?

**Câu 7**. Pháp luật mang bản chất của giai cấp nào?

**Câu 8**. Pháp luật của Nhà nước Xã Hội Chủ Nghĩa mang bản chất của giai cấp nào?

**Câu 9**. Pháp luật mang bản chất xã hội vì bắt nguồn từ …….............do các thành viên của xã hội thực hiện vì sự phát triển của………………..

**Câu 10**. Pháp luật có mấy vai trò? Vai trò đối với nhà nước? Đối với công dân?

**Câu 11**. Công dân khiếu nại, tố cáo có nghĩa là công dân đã thực hiện vai trò gì của pháp luật?

**Câu 12**. Nhờ có pháp luật mà nhà nước kiểm tra, giám sát được các hoạt động của mọi cá nhân, tổ chức. Nhận định này đề cập đến vai trò nào của pháp luật?

**Câu 13**. Pháp luật là …………………..để thể hiện và bảo vệ giá trị tốt đẹp của đạo đức.

**Câu 14**. Sự giống nhau và khác nhau giữa đạo đức và pháp luật?

**Câu 15**. Các bản Hiến Pháp đầu tiên nước Việt Nam ra đời vào năm nào? Cho đến nay đã qua mấy lần sửa đổi?

**Câu 16.** Câuhỏi: “Pháp luật của ai, do ai, vì ai?” đề cập đến vấn đề nào của Pháp luật?

**Câu 17**. Khái quát bài 1 có mấy nội dung chính? Đó là gì?

**CÂU HỎI Bài 2**

**Câu 1**. Thực hiện pháp luật là quá trình ……………………….làm cho quy định pháp luật đi vào cuộc sống trở thành hành vi …………..của công dân, tổ chức.

**Câu 2**. Công dân làm điều pháp luật cho phép làm (quyền) là hình thức……………………

**Câu 3**. Công dân làm điều pháp luật bắt buộc làm (nghĩa vụ ) là hình thức …………………

**Câu 4**. Công dân không làm điều pháp luật cấm là hình thức …………………..

**Câu 5**. Cơ quan công chức, nhà nước căn cứ vào pháp luật để thay đổi quyền và nghĩa vụ của công dân khi cá nhân, tổ chức vi phạm pháp luật là hình thức ……………………..

**Câu 6**. Vi phạm pháp luật bao gồm mấy dấu hiệu? Là gì?

**Câu 7**. Trách nhiệm pháp lí là …………….mà người …………………phải gánh chịu.

**Câu 8**. Mục đích của trách nhiệm pháp lí là gì?

**Câu 9**. Vi phạm pháp luật có mấy loại? Kể ra? Loại nào nguy hiểm nhất?

**Câu 10**. Độ tuổi nào phải chịu mọi trách nhiệm hành chính và hình sự do mình gây ra?

**Câu 11**. Vi phạm dân sự là hành vi xâm phạm đến 2 mối quan hệ cơ bản nào?

**Câu 12**. Vi phạm hành chính là hành vi xâm phạm đến quy tắc nào?

**Câu 13**. Vi phạm kỷ luật là hành vi xâm phạm đến các quan hệ nào?

**Câu 14**. Nêu các hình phạt chính của các loại vi phạm pháp luật?

**Câu 15**. Hình thức áp dụng pháp luật do ai thực hiện?

**Câu 16**. Căn cứ vào đâu mà nhà nước phân loại các loại vi phạm pháp luật?

**Câu 17**. Đánh người gây thương tích bao nhiêu % thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự?

**Câu 18**. Người phạm tội hình sự phải chấp hành hình phạt theo quyết định của cơ quan nào?

**Câu 19**. Ngày Pháp luật của nước Việt Nam là ngày nào?

**Câu 20**. Khái quát bài 2 có mấy nội dung chính? Đó là gì?

**CÂU HỎI Bài 3**

**Câu 1**. Công dân bình đẳng trước pháp luật là bình đẳng về nội dung nào?

**Câu 2**. Quyền và nghĩa vụ của công dân luôn như thế nào với nhau?

**Câu 3**. Trong những trường hợp khác nhau về điều kiện, hoàn cảnh, năng lực, sức khỏe,…thì việc thực hiện quyền và nghĩa vụ cũng phải …………….. để tạo nên sự …………..

**Câu 4**. Khi vi phạm pháp luật, mọi công dân đều phải chịu trách nhiệm pháp lí như thế nào?

**Câu 5**. Căn cứ vào đâu mà nhà nước phân loại các loại vi phạm pháp luật để công dân chịu trách nhiệm pháp lí?

**Câu 6**. “Công dân bình đẳng trước pháp luật” được quy định tại điều mấy của Hiến pháp?
**(Điều 16 HP 2013)**

**Câu 7.** Việc xét xử các vụ án kinh tế không phụ thuộc vào người đó là ai, giữ chức vụ gì là thể hiện công dân bình đẳng về nội dung nào?

**Câu 8**. Nam 17 tuổi phải đăng ký nghĩa vụ quân sự là bình đẳng về nội dung nào?

**Câu 9.** Cơ quan nào có trách nhiệm bảo vệ công lí và quyền con người trước pháp luật?

**Câu 10**. Mức độ sử dụng quyền và thực hiện nghĩa vụ của công dân tùy thuộc vào nội dung nào?

**Câu 11**. Bình đẳng trước pháp luật là một trong những quyền ………..của công dân.

**Câu 12**. Đối tượng nào không phải chịu trách nhiệm pháp lí do hành vi trái pháp luật gây ra?

**Câu 13.** Nguyễn Văn H 20 tuổi nghiện ma túy. Không có tiền hút, H đã nảy ý định cướp xe máy. H tìm được Trần Văn B 15 tuổi bỏ học cùng lên kế hoạch cướp xe. H và B giả vờ thuê xe ôm đến chỗ đường vắng, dùng dao uy hiếp,cướp xe máy và đâm chết người lái xe.

Căn cứ hành vi phạm tội tòa án tuyên phạt tử hình Nguyễn Văn H và Trần Văn B 10 năm tù giam.
Gia đình H cho rằng tòa xử thiếu công bằng vì cả hai cùng tham gia vụ giết người này.

Theo em thắc mắc của gia đình H là đúng hay sai? Tại sao?

**CÂU HỎI Bài 4**

**Câu 1**. Quyền bình đẳng của công dân được thể hiện trong những lĩnh vực cụ thể nào của đời sống xã hội?

**Câu 2**. Quyền bình đẳng trong hôn nhân gia đình dựa trên cơ sở nào?
Trên cơ sở: dân chủ, công bằng, bình đẳng, tôn trọng, không phân biệt đối xử.

**Câu 3**. Trong gia đình bao gồm mấy mối quan hệ? Mối quan hệ nào quan trọng nhất?

**Câu 4**. Độ tuổi được đăng ký kết kết hôn của nam và nữ là bao nhiêu?

**Câu 5**. Bình đẳng giữa vợ và chồng có nghĩa là vợ chồng có quyền và nghĩa vụ như thế nào?

**Câu 6**. Vợ và chồng có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong 2 mối quan hệ nào?

**Câu 7**. Tài sản như thế nào được xem là tài chung?

**Câu 8**. Đối với tài sản chung, vợ chồng cùng có quyền gì?

**Câu 9**. Tài sản như thế nào được xem là tài riêng?

**Câu 10**. Bình đẳng trong lao động bao gồm những nội dung nào?

**Câu 11**. Bình đẳng trong kí kết hợp đồng lao động được thực hiện theo nguyên tắc nào?
**Câu 12**. Độ tuổi tối thiểu mà người lao động được ký kết hợp đồng là bao nhiêu?

**Câu 13**. Người sử dụng lao động ít nhất phải đủ bao nhiêu tuổi mới được thuê, mướn, sử dụng và trả công lao động?

**Câu 14**. Người lao động có thể đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động nhưng phải báo trước cho người sử dụng lao động biết trước ít nhất bao nhiêu ngày?

**Câu 15**. Bình đẳng giữa lao động nam và lao động nữ là bình đẳng về nội dung nào?

**Câu 16**. Nêu 5 nghĩa vụ trong kinh doanh?

**Câu 17**. Em Nguyễn Văn X 17 tuổi học hết lớp 11, vì điều kiện gia đình khó khăn không thể tiếp tục đi học em có nguyện vọng xin làm việc ở 1 doanh nghiệp nào đó.

Em có quyền được làm việc ở cơ quan, doanh nghiệp nào đó không? Vì sao?

**Câu 18**. Sau khi tốt nghiệp THPT, nếu có ý định thành lập doanh nghiệp tư nhân thì em có quyền thực hiện ý định đó không? Vì sao?

**Bài 5**

**Câu 1**.Nội dung bình đẳng giữa các dân tộc và tôn giáo trên các lĩnh vực nào?

**Câu 2**. Các tôn giáo lớn du nhập từ nước ngoài được Nhà nước ta cho phép hoạt động là những tôn giáo nào?

**Câu 3**. Các tôn giáo lớn ra đời ở Việt Nam được Nhà nước ta cho phép hoạt động là những tôn giáo nào?

**Câu 4**. Hoạt động tín ngưỡng tôn giáo được Nhà nước bảo…………….

**Câu 5**. Các cơ sở tôn giáo (những nơi thờ tự tín ngưỡng tôn giáo được Pháp luật bảo………

**Câu 6**. Quyền bình đẳng giữa các dân tộc và tôn giáo là ……….của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

**Câu 7**. Quyền bình đẳng giữa các dân tộc và tôn giáo được quy định tại điều mấy của Hiến pháp?
( Điều 24 HP 2013)